|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN BÌNH SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC - UBND | *Bình Sơn, ngày tháng năm 2023* |

***Dự thảo***

**BÁO CÁO**

**Kết quả triển khai Chuyển đổi số 06 tháng đầu năm 2023 huyện Bình Sơn**

Thực hiện Chương trình công tác của UBND huyện trong việc sơ kết đánh giá kết quả triển khai công tác Chuyển đổi số 06 tháng đầu năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn huyện Bình Sơn, UBND huyện Bình Sơn báo cáo nội dung sau:

**I. Kết quả triển khai chuyển đổi số trong 06 tháng đầu năm 2023**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 31/12/2021 UBND huyện Bình Sơn về việc xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số huyện Bình Sơn năm 2025, đính hướng đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số và kinh tế số, xã hội số huyện Bình Sơn năm 2023; Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 08/02/2023 của UBND huyện về truyền thông về chuyển đổi số huyện Bình Sơn năm 2023; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 17/3/2023 của UBND huyện về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện Bình Sơn.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã để triển khai chỉ đạo công tác chuyển đổi số tại địa phương. Đến nay, có 22 Ban Chỉ đạo cấp xã (đạt tỷ lệ 100%); 100% cơ quan, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã thực hiện phân công cán bộ phụ trách/kiêm nhiệm về công tác Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Ban hành Công văn số 1894/UBND-TTHC ngày 12/6/2023 của UBND huyện về đăng ký các TTHC để cung cấp DVC trực tuyến một phần và toàn trình.

- Ban hành Công văn số 124/UBND-CNTT ngày 16/01/2023 của UBND huyện về chỉ đạo đẩy mạnh quản lý, triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ và thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Ban hành Công văn số 254/UBND-CNTT ngày 04/02/2023 của UBND huyện về đôn đốc, đẩy mạnh quản lý, triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

- Ban hành Công văn số 1210/UBND ngày 21/4/2023 của UBND huyện về tổ chức thực hiện chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI)trên địa bàn huyện.

**2. Kết quả thực hiện 03 trụ cột chuyển đổi số**

***a) Phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động***

**- Hạ tầng công nghệ thông tin:**

Đối với các cơ quan hành chính nhà nước cơ bản đáp ứng triển khai phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; các cơ quan, đơn vị đã bố trí hệ thống mạng Lan, internet, hệ thống máy tính cho cán bộ, công chức, máy quét (scan) để số hóa văn bản; bộ phận một cửa cấp huyện đã đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu như máy vi tính, máy scan, máy in, hệ thống máy đánh giá sự hài lòng của tổ chức và cá nhân đối với cán bộ, công chức thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính, máy tra cứu thông tin, …

Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Bình Sơn đã trang bị bao gồm: tỉ lệ máy tính/CBCC, hệ thống mạng nội bộ, mạng diện rộng, kết nối internet đạt 100%.

Hiện trạng trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin cơ bản máy tính trang bị phần mềm diệt virus Bkav có bản quyền.

Trang bị trang thiết bị số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã;

100% cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân lãnh đạo đã sử dụng chữ ký số để xác thực văn bản điện tử.

Huyện đã đầu tư Hệ thống thiết bị Hội nghị trực tuyến đặt tại Hội trường UBND huyện, đang khai thác sử dụng. UBND huyện đã đầu tư hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp huyện đến cấp xã với 23 điểm cầu; công tác quản lý và vận hành hệ thống ổn định và thông suốt, góp phần xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, nhằm mục đích tiết kiệm thời gian, kinh phí.

Cấp độ an toàn thông tin cho hệ thống mạng nội bộ huyện Bình Sơn được phê duyệt ở cấp độ 2 tại Quyết định số 89/QĐ-STTTT ngày 08/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông.

**- Hiện đại hóa hành chính**

+ Ứng dụng Quản lý văn bản, triển khai chữ ký số: 100% cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp xã triển khai sử dụng Phần mềm Quản lý văn bản điện tử và điều hành dùng chung (https://office.quangngai.gov.vn) theo mô hình quản lý CSDL tập trung, liên thông 04 cấp, có sử dụng chữ ký số để trao đổi văn bản điện tử. Kết quả triển khai xử lý hồ sơ trên môi trường mạng: cấp huyện đạt 85.3% và cấp xã đạt 65.32%.

+ Cung cấp chứng thư số, đến nay có 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân lãnh đạo, cán bộ công chức Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã đã được cấp chứng thư số.

+ Trong 6 tháng đầu năm, UBND huyện: tổng số văn bản đến 15.834, đạt 100% văn bản hoàn toàn điện tử, văn bản có ký số 14.189, không ký số 1.065; tổng số văn bản đi 399, đạt 100% văn bản hoàn toàn điện tử, văn bản có ký số: 393 văn bản, không ký số: 6 văn bản. *(Số liệu các cơ quan, đơn vị, địa phương có Phụ lục 1 kèm theo)*

+ Đã triển khai báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính qua Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ đảm bảo đúng tiến độ.

+ Hoạt động của Cổng thông tin điện tử của huyện trong 6 tháng đầu năm đã đăng tải 240 tin bài về thông tin chỉ đạo điều hành của huyện, tình hình kinh tế xã hội của huyện và địa phương; đăng tải 3.890 văn bản các loại.

*+* Tổ công nghệ số cộng đồng,đến nay đã thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng như sau: 01 Tổ cấp huyện với 13 thành viên, 22 tổ cấp xã với 202 thành viên và 120 tổ cấp thôn, tổ dân phố với 696 thành viên; và đã triển khai phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn cho các tổ công nghệ số cộng đồng các cấp. Đạt tỷ lệ 100%.

**- Dịch vụ công trực tuyến:**

+ UBND huyện ban hành Công văn số 124/UBND ngày 16/01/2023 về việc đẩy mạnh quản lý, triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ và thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, trong đó yêu cầu các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn rà soát các thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ để đăng ký dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và đưa vào thực hiện.

+ Ngày 12/6/2023, UBND huyện ban hành Công văn số 1894/UBND-TTHC về việc đăng ký các TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình, gồm 18 thủ tục hành chính cấp xã và 87 thủ tục hành chính cấp huyện.

+ Đã triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, chủ yếu phát sinh trong lĩnh vực đất đai; kết quả từ đầu năm đến nay đã thực hiện thanh toán trực tuyến được hơn 1,2 tỷ đồng với 684 giao dịch được thực hiện.

+ Tổng số dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình của huyện là 57, cấp xã là 20 được phê duyệt tại Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tổng số hồ sơ tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 123 hồ sơ (*trong đó tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC là 97 hồ sơ, tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính là 26 hồ sơ*); Tổng số hồ sơ tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 405 hồ sơ (*trong đó tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC là 92 hồ sơ, tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính là 313 hồ sơ*), (Có phụ lục 2 kèm theo)

+ Trong 6 tháng đầu năm 2023, hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn huyện qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được đảm bảo tính chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả, được tổ chức, công dân đánh giá hài lòng cao. Huyện Bình Sơn triển khai đến Bộ phận một cửa các cấp về việc thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính để cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ và sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính theo lộ trình của Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Chính phủ (Bộ phận một cửa cấp huyện và cấp xã từ 01/12/2022), Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia (số hóa đối với 25 dịch vụ công thiết yếu từ ngày 01/7/2022), giúp rút ngắn thời gian khai thông tin thực hiện TTHC, đồng thời doanh nghiệp, người dân có thể tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giải quyết TTHC cho những lần thực hiện TTHC tiếp theo *(Kết quả số hóa trong 6 tháng đầu năm 2023 là: Số hóa hồ sơ TTHC khi tiếp nhận: 10.588 hồ sơ, đạt 52.39%; Số hóa kết quả giải quyết TTHC: 2.072 hồ sơ, đạt 10.44%)*; *(Có phụ lục 3 kèm theo)*

**- Về phát triển dữ liệu**

+ Các cơ quan, địa phương trên địa bàn huyện *(từ huyện đến xã)* sử dụng hiệu quả các Hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh để quản lý, điều hành và xử lý công việc như: Cổng thông tin điện tử và 100% cấp xã có Trang thông tin điện tử thành phần, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống phần mềm một cửa điện tử, Hệ thống thư điện tử công vụ,… Ngoài ra, thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, UBND huyện đã ban hành Công văn số 157/UBND-CNTT ngày 18/01/2023 về việc triển khai thực hiện các Nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đã triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương 09 Nền tảng số dùng chung: Nền tảng Cổng dữ liệu mở; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh; Nền tảng đánh giá và xếp hạng chuyển đổi số các cơ quan nhà nước; Nền tảng phòng chống mã độc tập trung; Nền tảng trợ lý ảo lĩnh vực Thông tin và Truyền thông; Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân và doanh nghiệp; Nền tảng họp trực tuyến; Kho số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

+ Việc triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do Trung ương và các bộ ngành triển khai như: Cổng Dịch vụ công quốc gia (*Văn phòng Chính phủ*); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (*Bộ Tài nguyên và Môi trường*); Hệ thống cấp mã số ngân sách (*Bộ Tài chính*); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (*Bảo hiểm xã hội*); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (*Bộ Tư pháp*); Hệ thống VNPOST (*Bưu điện Việt Nam*); CSDL Quốc gia về Dân cư (*Bộ Công an*); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*);… để tiếp nhận, giải quyết các TTHC, đồng thời khai thác dữ liệu có sẵn trong các hệ thống của các bộ ngành nhằm hạn chế việc khai báo, cung cấp lại các thông tin. Tháng 12/2022, Hệ thống chính thức được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an triển khai, đáp ứng được việc sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, đồng thời, hỗ trợ các cơ quan thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết TTHC thực hiện tra cứu, khai thác được đầy đủ 20 trường thông tin công dân về cư trú để thay thế cho việc xuất trình sổ hộ khẩu, tạm trú đáp ứng theo quy định tại điều 14 của Nghị định 104/2022/NĐ-CP trong giải quyết TTHC.

***b) Phát triển kinh tế số***

Để có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện Bình Sơn trong hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh, các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kịp thời hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn huyện đạt hiệu quả, UBND huyện thông tin về việc đăng ký kế hoạch khuyến công, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử. Hiện nay Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện đang tổng hợp thông tin, hình ảnh về các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện để tham mưu UBND huyện cung cấp thông tin cho Sở Công Thương để phục vụ cập nhật dữ liệu Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện nay trên Cổng thông tin điện tử Ocop tỉnh Quảng Ngãi, chương trình mỗi xã một sản phẩm và đã có các sản phẩm của Bình Sơn như: Nước mắm Mười Quý, Nén Bình Phú, …giúp cho người tiêu dùng nắm rõ về các thông tin của sản phẩm tạo huy tín và chất lượng khi lựa cho sản phẩm.

Triển khai một số nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp như: Nền tảng Cổng dữ liệu mở, Nền tảng trợ lý ảo lĩnh vực Thông tin và Truyền thông; Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân và doanh nghiệp; Nền tảng họp trực tuyến,….

Tuyên truyền đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, các Hội đoàn thể huyện quán triệt và nghiên cứu nội dung Công văn số 2037/UBND-KGVX ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giới thiệu và đề cử ứng viên tham gia Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2023.

Hiện nay, các đơn vị viễn thông trên địa bàn huyện đã triển khai dịch vụ Viễn thông công ích đã hỗ trợ cho người dân chưa có điều kiện tiếp cận được các nền tảng số trong đời sống kinh tế, xã hội các thiết bị thông minh góp phần giúp cho việc chuyển đổi công dân truyền thống trở thành công dân số.

***c) Phát triển xã hội số***

- 100% các xã, thị trấn trong toàn huyện đã được phủ sóng di động 2G/3G/4G; mạng truyền dẫn cáp quang tới trung tâm xã đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng trên 70%; tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên 85,5%.

- Đối với thanh toán trực tuyến giúp người dân và doanh nghiệp thuận tiện trong việc nộp phí, lệ phí, thuế một cách nhanh chóng, chính xác, UBND huyện đã ban hành Công văn số 584/UBND-TTHC ngày 06/3/2023 về việc sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn huyện Bình Sơn; ngoài ra còn đăng tải nhiều thông tin trên cổng thông tin điện tử của huyện về sử dụng (App) ứng dụng trên điện thoại thông minh để thanh toán trực tuyến, việc thanh toán không dùng tiền mặt bằng cách quét mã QR code đã được người dân và doanh nghiệp sử dụng rộng rãi; đăng tải thông tin về Dự án khởi tạo định danh số cùng tên miền “.vn”, để tiếp cận được các chính sách ưu đãi đặc biệt hướng đến giới trẻ, doanh nghiệp mới thành lập và hộ kinh doanh trong dự án khởi tạo định danh số, định danh gương mặt số, định danh thương hiệu số cùng với tên miền “.vn”.

Tổ chức và công dân sử dụng tài khoản đăng ký trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc sử dụng định danh điện tử VNeID để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

Tuyên truyền ứng dụng nộp thuế điện tử eTax mobile bằng hình thức diễu hành; Soạn thảo hình thức tờ rơi 02 nội dung, tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử huyện. Đến nay, trên địa bàn huyện Bình Sơn gần 1.000 doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử;

100% cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn huyện thực hiện chuyển đổi số; các trường đang từng bước hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, thư viện số.

Hiện nay tại Trung tâm Y tế huyện và các xã, thị trấn đã sử dụng phần mềm “Bác sĩ cho mọi nhà” để khám chữa bệnh từ xa, cơ bản phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

**3. Một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm khác**

***a. Bồi dưỡng, tập huấn, phát triển nhân lực***

Lãnh đạo UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tham dự các buổi hội nghị trực tuyến do Chính phủ và UBND tỉnh tổ chức; tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức; lãnh đạo của công chức được giao phụ trách tham mưu của các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia tập huấn về chuyển đổi số do UBND tỉnh tổ chức.

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 03/4/2023 về Tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện Bình Sơn, năm 2023 với mục đích tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động các cơ quan, đơn vị, địa phương về chuyển đổi số; nâng cao kỹ năng số cho các đối tượng tham gia vào quá trình chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chuyển đổi số trong huyện, gồm 03 lớp: (1) Tập huấn vận hành Cổng thông tin điện tử thành phần cấp xã, (2) Tập huấn cài đặt và sử dụng số hóa hồ sơ thủ tục hành chính có sử dụng chữ ký số để xác thực hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử, (3) Triển khai các nội dung liên quan đến công tác chuyển đổi số và Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số (DTI) cấp huyện, cấp xã.

Đồng thời, tham gia các lớp tập huấn do sở, ngành tỉnh tổ chức về chuyển đổi số.

***b. Công tác tuyên truyền:***

- Tuyên truyền về các nội dung thông tin về chuyển đổi số quốc gia trên cổng thông tin điện tử thành phần huyện Bình Sơn, cập nhật đầy đủ về tình hình an toàn thông tin tháng, chuyên đề chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông. Ngoài ra, đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn và thông tin đến các cơ quan, đơn vị, địa phương về cảnh báo lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng cao trong các sản phẩm Microsoft; đồng thời tạo chuyên mục Chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của huyện để kịp thời đăng tin bài về an toàn thông tin mạng, báo cáo chuyên đề hàng tuần của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Nhằm đảm bảo thông tin liên lạc, an toàn thông tin (ATTT) phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương các cấp và đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc trong dịp nghỉ Lễ, Tết Nguyên đán; Ngày giải phóng Miền Nam 30/4 và Ngày Quốc tế lao động 1/5,...

***c) Công tác an toàn, an ninh thông tin mạng***

UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung về an toàn, an ninh thông tin mạng, cài đặt phần mềm duyệt vi rút (Bkav Endpoint) do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp; triển khai các văn bản đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện các quy định, thông báo, các biện pháp và giải pháp kỹ thuật khắc phục các lỗi, lỗ hổng bảo mật theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình an toàn thông tin hàng tháng và thống kê kết nối, chia sẻ thông tin về mã độc, giám sát; cảnh báo lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng cao và nghiêm trọng trong các sản phẩm Microsoft công bố hàng tháng.

- Cập nhật hơn 10 tin, bài liên quan đến nội dung đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên Cổng thông tin điện tử của huyện; ban hành hơn 10 văn bản hướng dẫn và cảnh báo lỗ hổng an toàn thông tin mạng.

***d) UBND các xã, thị trấn***

Ngay từ đầu năm 2023, UBND các xã, thị trấn đã xây dựng và ban hành các Kế hoạch xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số và kinh tế số, xã hội số; Kế hoạch truyền thông về chuyển đổi số;

Cơ bản các xã, thị trấn đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số, Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn; đồng thời ban hành các Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ để triển khai công tác chuyển đổi số.

- Về dịch vụ công trực tuyến, tổng hồ sơ tiếp nhận 14.274 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 936 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. (*Có phụ lục 4 kèm theo*)

- Về số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại các xã, thị trấn *(Kết quả số hóa trong 6 tháng đầu năm 2023 là: Số hóa hồ sơ TTHC khi tiếp nhận: 10.229 hồ sơ, đạt 52.669%; Số hóa kết quả giải quyết TTHC: 2.034 hồ sơ, đạt 10.65%)*; *(Có phụ lục 5 kèm theo)*

- Về sử dụng chữ ký số: Tổng số văn bản đến: 91.537 văn bản, văn bản hoàn toàn điện tử: 91.534, văn bản song song giấy và điện tử: 03 văn bản, văn bản có ký số 74.536, văn bản không ký số: 16.426; Tổng số văn bản đi: 11.133 văn bản hoàn toàn điện tử: 11.133, văn bản song song giấy và điện tử: 00 văn bản, văn bản có ký số 10.214, văn bản không ký số: 919. *(Có phụ lục 6 kèm theo)*

- Hội nghị truyền hình trực tuyến, huyện đã đầu tư bố trí cho mỗi xã, thị trấn 01 hệ thống kết nối trực tiếp về huyện, hiện tại đang hoạt động ổn định.

**III. Đánh giá một số khó khăn, vướng mắc**

1. Nguồn nhân lực thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn huyện còn mỏng, yếu, chưa chuyên sâu; chưa có cơ chế hỗ trợ dành cho cán bộ làm nhiệm vụ chuyển đổi số nên khó thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Việc nắm bắt thông tin, kiến thức của người dân về các dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế, nhất là người dân ở các vùng nông thôn. Một trong những rào cản khiến người dân khó tiếp cận dịch vụ công trực tuyến là người dân sử dụng thiết bị di động thông minh còn hạn chế về kỹ năng số và chưa có thiết bị di động thông minh để kết nối và làm các thao tác để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

3. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến tuy có cải thiện, tăng liên tục qua từng tháng, nhưng so với tổng số thủ tục hành chính vẫn còn thấp.

4. Nhiều thủ tục hành chính còn rườm rà về thành phần hồ sơ, dẫn đến gây khó khăn cho việc thực hiện trực tuyến.

5. Các hệ thống thông tin của các bộ ngành triển khai hiện nay vẫn còn phát sinh nhiều lỗi, đôi lúc không đáp ứng được giao dịch giữa người dân với cơ quan chức năng; việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu số còn nhiều rào cản dẫn đến công chức tại bộ phận một cửa các cấp phải thao tác trên nhiều hệ thống khác nhau của bộ, ngành Trung ương.

**IV. Nhiệm vụ trọng tâm trong Quý III và 06 tháng cuối năm 2023**

1. Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, đặc biệt là tái cấu trúc hoặc đổi mới mô hình, quy trình hoạt động kết hợp với áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên, kế hoạch về chuyển đổi số của tỉnh, huyện.

2. Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng cấp huyện, xã (*Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 03/4/2023 về tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện Bình Sơn, năm 2023*).

3. Tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn huyện Bình Sơn; tổ chức phát động phong trào Chuyển đổi số trên huyện; truyền thông về chuyển đổi số cho mục tiêu nâng cao nhận thức, phổ biến bài học kinh nghiệm, những cách làm hay; nhất là nhận thức và kỹ năng cho người dân về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân, về khai thác sử dụng các hệ thống thông tin do cơ quan nhà nước cung cấp để phục vụ các nhu cầu thiết yếu.

4. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc và tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; tham mưu, hướng dẫn, triển khai các nhiệm vụ, công tác về ứng dụng, phát triển CNTT, hiện đại hóa hành chính và chuyển đổi số. Triển khai các ứng dụng, tiện ích thiết thực phục vụ hoạt động của người dân để phổ cập chuyển đổi số rộng rãi trong xã hội.

5. Đầu tư xây dựng mới các hạ tầng hệ thống thông tin, triển khai các nền tảng số theo định hướng, kế hoạch chung của tỉnh, Chính phủ một cách phù hợp với nhu cầu thực tiễn của từng địa phương, ngành. Tiếp tục đẩy mạnh kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin để tăng cường chia sẻ, sử dụng dữ liệu, đặc biệt là Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023; tổ chức triển khai hướng dẫn về ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng do bộ ngành, tỉnh triển khai; tổ chức phối hợp với các lượng lượng, cơ quan hữu quan cho mục tiêu đảm bảo an toàn, an ninh trên không gian mạng.

7. Tiếp tục chỉ đạo triển khai và tổ chức tổng kết Kế hoạch về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số năm 2023 của huyện Bình Sơn.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai Chuyển đổi số 06 tháng đầu năm 2023 huyện Bình Sơn, kính báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Sở Thông tin và Truyền thông;  - Thường trực Huyện ủy;  - Thường trực HĐND huyện;  - CT, các PCT UBND huyện;  - Các phòng, ban huyện;  - UBND các xã, thị trấn;  - Các thành viên BCĐ CĐS huyện;  - PVHTT: TP, PTP;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Tưởng Duy** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC 1**  **BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LIỆU SỐ HÓA VĂN BẢN TRONG HUYỆN** | | | | | | | | | | | |
| *Từ ngày: 01/01/2023 Đến ngày: 30/06/2023* | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **Văn bản đến** | | | | | **Văn bản đi** | | | | |
| **Tổng số văn bản đến** | **Hoàn toàn điện tử** | **Song song bản giấy - điện tử** | **VB Nội tỉnh - có ký số** | **VB Nội tỉnh - không ký số** | **Tổng số văn bản đi** | **Hoàn toàn điện tử** | **Song song bản giấy - điện tử** | **VB Nội tỉnh - có ký số** | **VB Nội tỉnh - không ký số** |
|  |
|  |
| 1 | UBND huyện Bình Sơn | 15834 | 15834 | 0 | 14189 | 1065 | 399 | 399 | 0 | 393 | 6 |  |
| 2 | Văn phòng HĐND&UBND huyện Bình Sơn | 11334 | 11334 | 0 | 10385 | 697 | 4572 | 4572 | 0 | 4547 | 25 |  |
| 3 | Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Sơn | 9330 | 9330 | 0 | 7727 | 1352 | 1613 | 1613 | 0 | 1376 | 237 |  |
| 4 | Phòng Nông Nghiệp -PTNT huyện Bình Sơn | 6238 | 6238 | 0 | 5617 | 407 | 760 | 760 | 0 | 720 | 40 |  |
| 5 | Phòng Tư Pháp huyện Bình Sơn | 3313 | 3313 | 0 | 2845 | 261 | 111 | 111 | 0 | 103 | 8 |  |
| 6 | Công an huyện Bình Sơn | 2215 | 2215 | 0 | 2020 | 195 | 76 | 76 | 0 | 0 | 76 |  |
| 7 | BCH Quân sự huyện Bình Sơn | 1237 | 1237 | 0 | 1067 | 170 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 8 | Phòng Y tế huyện Bình Sơn | 2658 | 2658 | 0 | 2294 | 335 | 172 | 172 | 0 | 171 | 1 |  |
| 9 | Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Sơn | 8567 | 8555 | 12 | 7748 | 420 | 1200 | 1200 | 0 | 1188 | 12 |  |
| 10 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Sơn | 4344 | 4344 | 0 | 3018 | 385 | 1130 | 1130 | 0 | 1031 | 99 |  |
| 11 | Phòng Văn hóa và Thông tin Huyện Bình Sơn | 3480 | 3480 | 0 | 3148 | 262 | 400 | 400 | 0 | 398 | 2 |  |
| 12 | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Bình Sơn | 6218 | 6218 | 0 | 5431 | 559 | 1220 | 1219 | 1 | 1206 | 14 |  |
| 13 | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Bình Sơn | 4074 | 4074 | 0 | 3567 | 299 | 391 | 391 | 0 | 378 | 13 |  |
| 14 | Thanh tra huyện Bình Sơn | 3708 | 3708 | 0 | 3329 | 379 | 513 | 513 | 0 | 311 | 202 |  |
| 15 | Phòng Nội vụ huyện Bình Sơn | 6043 | 6043 | 0 | 4286 | 1757 | 554 | 554 | 0 | 537 | 17 |  |
| 16 | Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao huyện Bình Sơn | 2127 | 2127 | 0 | 1935 | 192 | 157 | 157 | 0 | 156 | 1 |  |
| 17 | Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Bình Sơn | 4344 | 4344 | 0 | 3568 | 600 | 1020 | 1020 | 0 | 1002 | 18 |  |
| 18 | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn | 1646 | 1646 | 0 | 1460 | 186 | 85 | 85 | 0 | 73 | 12 |  |
| 19 | Ban Quản Lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Bình Sơn | 2514 | 2514 | 0 | 2239 | 275 | 935 | 935 | 0 | 928 | 7 |  |
| 20 | Ban Quản lý Cụm công nghiệp và Đô thị huyện Bình Sơn | 1937 | 1937 | 0 | 1628 | 309 | 227 | 227 | 0 | 227 | 0 |  |
| 21 | Trung tâm Chính trị huyện Bình Sơn | 708 | 708 | 0 | 645 | 63 | 8 | 8 | 0 | 0 | 8 |  |
| 22 | Trung Tâm Dịch Vụ Nông Nghiệp Huyện Bình Sơn | 1865 | 1865 | 0 | 1569 | 296 | 279 | 279 | 0 | 271 | 8 |  |
| 23 | Tổ đề án 06 huyện | 32 | 32 | 0 | 28 | 4 | 7 | 7 | 0 | 0 | 7 |  |
| 24 | UBND xã Bình Minh | 3763 | 3763 | 0 | 3098 | 623 | 803 | 803 | 0 | 783 | 20 |  |
| 25 | UBND xã Bình Mỹ | 3534 | 3534 | 0 | 3109 | 406 | 351 | 351 | 0 | 310 | 41 |  |
| 26 | UBND xã Bình Khương | 3599 | 3599 | 0 | 3092 | 479 | 534 | 534 | 0 | 502 | 32 |  |
| 27 | UBND xã Bình Hiệp | 4126 | 4126 | 0 | 3213 | 881 | 404 | 404 | 0 | 333 | 71 |  |
| 28 | UBND xã Bình An | 3799 | 3799 | 0 | 3256 | 514 | 552 | 552 | 0 | 510 | 42 |  |
| 29 | UBND thị trấn Châu Ổ | 4614 | 4613 | 1 | 3634 | 940 | 830 | 830 | 0 | 519 | 311 |  |
| 30 | UBND xã Bình Trung | 4158 | 4158 | 0 | 3420 | 724 | 433 | 433 | 0 | 383 | 50 |  |
| 31 | UBND xã Bình Trị | 4352 | 4350 | 2 | 3562 | 766 | 335 | 335 | 0 | 325 | 10 |  |
| 32 | UBND xã Bình Thuận | 4783 | 4783 | 0 | 4142 | 622 | 310 | 310 | 0 | 283 | 27 |  |
| 33 | UBND xã Bình Phước | 4240 | 4240 | 0 | 3388 | 839 | 421 | 421 | 0 | 403 | 18 |  |
| 34 | UBND xã Bình Nguyên | 4029 | 4029 | 0 | 3327 | 685 | 357 | 357 | 0 | 347 | 10 |  |
| 35 | UBND xã Bình Đông | 4275 | 4275 | 0 | 3727 | 525 | 776 | 776 | 0 | 693 | 83 |  |
| 36 | UBND xã Bình Tân Phú | 4157 | 4157 | 0 | 3309 | 831 | 355 | 355 | 0 | 332 | 23 |  |
| 37 | UBND xã Bình Hòa | 4201 | 4201 | 0 | 3230 | 941 | 473 | 473 | 0 | 452 | 21 |  |
| 38 | UBND xã Bình Hải | 4509 | 4509 | 0 | 3676 | 787 | 789 | 789 | 0 | 761 | 28 |  |
| 39 | UBND xã Bình Dương | 3681 | 3681 | 0 | 3198 | 455 | 496 | 496 | 0 | 482 | 14 |  |
| 40 | UBND xã Bình Chương | 3708 | 3708 | 0 | 3120 | 560 | 523 | 523 | 0 | 504 | 19 |  |
| 41 | UBND xã Bình Châu | 4874 | 4874 | 0 | 3536 | 1300 | 517 | 517 | 0 | 482 | 35 |  |
| 42 | UBND xã Bình Thanh | 3982 | 3982 | 0 | 3246 | 726 | 410 | 410 | 0 | 395 | 15 |  |
| 43 | UBND xã Bình Long | 4198 | 4198 | 0 | 3188 | 983 | 439 | 439 | 0 | 417 | 22 |  |
| 44 | UBND xã Bình Thạnh | 4611 | 4611 | 0 | 3542 | 1051 | 559 | 559 | 0 | 554 | 5 |  |
| 45 | UBND xã Bình Chánh | 4326 | 4326 | 0 | 3507 | 786 | 462 | 462 | 0 | 441 | 21 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **PHỤ LỤC 2**  **BÁO CÁO ỨNG DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CẤP HUYỆN** | | | | | | | |  | |  |  |
|  |  |  | |  |  |
|  |  | *(Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023)* | | | | | | | |  | |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | |  |  | |  | |  |
| **STT** | **Cơ quan, đơn vị** | **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3** | | | | **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4** | | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tổng số TTHCC đã cung cấp** | **Hồ sơ đã tiếp nhận** | | | **Tổng số TTHCC đã cung cấp** | **Hồ sơ đã tiếp nhận** | | | | | |  |
| **Tổng số** | **Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHCC** | **Tiếp nhận qua mạng hoặc DV bưu chính** |  | | **Tổng số** | **Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHCC** | | **Tiếp nhận qua mạng hoặc DV bưu chính** | |  |
| 1 | UBND huyện Bình Sơn | 28 | 123 | 97 | 26 | 20 | | 405 | 92 | | 313 | |  |
| **Tổng cộng** | | **28** | **123** | **97** | **26** | **20** | | **405** | **92** | | **313** | |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC 3**  **KẾT QUẢ THỰC HIỆN SỐ HÓA HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | | | | | | |
| ***(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023)*** | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Đơn vị (Cơ quan)** | **Số hóa hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận** | | | | **Số hóa kết quả giải quyết TTHC** | | | |
| **Số hồ sơ Tiếp nhận** | **Số hồ sơ có số hóa thành phần HS** | **Tỷ lệ số hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận** | **Số hồ sơ chưa số hóa TPHS** | **Số hồ sơ đã giải quyết** | **Số hồ sơ có số hóa kết quả** | **Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ** | **Số hồ sơ chưa số hóa kết quả TTHC** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)=(2)/(1)** | **(5)** | **(6)=(7)+(9)** | **(7)** | **(8)=(7)/(6)** | **(9)** |
| 1 | UBND huyện Bình Sơn | 775 | 350 | 45.16 | 425 | 739 | 38 | 5.14 | 701 |
| 2 | Thị trấn Châu Ổ | 770 | 326 | 42.34 | 444 | 769 | 224 | 29.13 | 545 |
| 3 | Xã Bình An | 327 | 201 | 61.47 | 126 | 322 | 0 | 0 | 322 |
| 4 | Xã Bình Chánh | 1576 | 360 | 22.84 | 1216 | 1574 | 2 | 0.13 | 1572 |
| 5 | Xã Bình Chương | 732 | 244 | 33.33 | 488 | 731 | 0 | 0 | 731 |
| 6 | Xã Bình Châu | 809 | 725 | 89.62 | 84 | 756 | 0 | 0 | 756 |
| 7 | UBND xã Bình Dương | 504 | 440 | 87.3 | 64 | 503 | 5 | 0.99 | 498 |
| 8 | UBND xã Bình Đông | 1670 | 63 | 3.77 | 1607 | 1669 | 0 | 0 | 1669 |
| 9 | UBND xã Bình Hải | 2753 | 2694 | 97.86 | 59 | 2740 | 884 | 32.26 | 1856 |
| 10 | UBND xã Bình Hiệp | 436 | 287 | 65.83 | 149 | 415 | 2 | 0.48 | 413 |
| 11 | UBND xã Bình Hòa | 2016 | 1234 | 61.21 | 782 | 2002 | 156 | 7.79 | 1846 |
| 12 | UBND xã Bình Khương | 475 | 69 | 14.53 | 406 | 474 | 38 | 8.02 | 436 |
| 13 | UBND xã Bình Long | 820 | 430 | 52.44 | 390 | 723 | 56 | 7.75 | 667 |
| 14 | UBND xã Bình Minh | 779 | 116 | 14.89 | 663 | 778 | 117 | 15.04 | 661 |
| 15 | UBND xã Bình Mỹ | 546 | 262 | 47.99 | 284 | 518 | 48 | 9.27 | 470 |
| 16 | UBND xã Bình Nguyên | 587 | 294 | 50.09 | 293 | 566 | 106 | 18.73 | 460 |
| 17 | UBND xã Bình Tân Phú | 562 | 244 | 43.42 | 318 | 556 | 24 | 4.32 | 532 |
| 18 | UBND xã Bình Phước | 957 | 428 | 44.72 | 529 | 946 | 186 | 19.66 | 760 |
| 19 | UBND xã Bình Thanh | 580 | 306 | 52.76 | 274 | 570 | 30 | 5.26 | 540 |
| 20 | UBND xã Bình Thạnh | 470 | 249 | 52.98 | 221 | 462 | 78 | 16.88 | 384 |
| 21 | UBND xã Bình Thuận | 434 | 153 | 35.25 | 281 | 413 | 22 | 5.33 | 391 |
| 22 | UBND xã Bình Trị | 397 | 275 | 69.27 | 122 | 390 | 22 | 5.64 | 368 |
| 23 | UBND xã Bình Trung | 1236 | 838 | 67.8 | 398 | 1228 | 34 | 2.77 | 1194 |
| **TỔNG SỐ** | | **20211** | **10588** | **52.39%** | **9623** | **19844** | **2072** | **10.44%** | **17772** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **PHỤ LỤC 4**  **BÁO CÁO ỨNG DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CẤP XÃ** | | | | | | | |  |  |
|  |  |  |
|  |  | *(Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023)* | | | | | |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Cơ quan, đơn vị** | **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3** | | | | **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4** | | | | **Ghi chú** |
| **Tổng số TTHCC đã cung cấp** | **Hồ sơ đã tiếp nhận** | | | **Tổng số TTHCC đã cung cấp** | **Hồ sơ đã tiếp nhận** | | |
| **Tổng số** | **Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHCC** | **Tiếp nhận qua mạng hoặc DV bưu chính** | **Tổng số** | **Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHCC** | **Tiếp nhận qua mạng hoặc DV bưu chính** |
| 1 | Thị trấn Châu Ổ | 37 | 453 | 325 | 128 | 4 | 60 | 1 | 59 |  |
| 2 | UBND xã Bình Dương | 37 | 287 | 131 | 156 | 4 | 81 | 1 | 80 |  |
| 3 | UBND xã Bình Hiệp | 37 | 266 | 193 | 73 | 4 | 8 | 2 | 6 |  |
| 4 | UBND xã Bình Hòa | 37 | 1748 | 1629 | 119 | 4 | 133 | 47 | 86 |  |
| 5 | UBND xã Bình Hải | 37 | 2281 | 2034 | 247 | 4 | 176 | 1 | 175 |  |
| 6 | UBND xã Bình Khương | 37 | 385 | 333 | 52 | 4 | 20 | 16 | 4 |  |
| 7 | UBND xã Bình Long | 37 | 499 | 364 | 135 | 4 | 20 | 0 | 20 |  |
| 8 | UBND xã Bình Minh | 37 | 554 | 447 | 107 | 4 | 7 | 2 | 5 |  |
| 9 | UBND xã Bình Mỹ | 37 | 358 | 230 | 128 | 4 | 38 | 1 | 37 |  |
| 10 | UBND xã Bình Nguyên | 37 | 275 | 148 | 127 | 4 | 111 | 107 | 4 |  |
| 11 | UBND xã Bình Phước | 36 | 623 | 458 | 165 | 4 | 13 | 0 | 13 |  |
| 12 | UBND xã Bình Thanh | 37 | 331 | 242 | 89 | 4 | 8 | 0 | 8 |  |
| 13 | UBND xã Bình Thuận | 37 | 266 | 197 | 69 | 4 | 0 | 0 | 0 |  |
| 14 | UBND xã Bình Thạnh | 37 | 286 | 156 | 130 | 4 | 0 | 0 | 0 |  |
| 15 | UBND xã Bình Trung | 37 | 955 | 852 | 103 | 4 | 42 | 27 | 15 |  |
| 16 | UBND xã Bình Trị | 37 | 210 | 131 | 79 | 4 | 45 | 0 | 45 |  |
| 17 | UBND xã Bình Tân Phú | 37 | 380 | 262 | 118 | 4 | 1 | 0 | 1 |  |
| 18 | UBND xã Bình Đông | 37 | 1512 | 1355 | 157 | 4 | 27 | 27 | 0 |  |
| 19 | Xã Bình An | 38 | 221 | 154 | 67 | 4 | 64 | 2 | 62 |  |
| 20 | Xã Bình Chánh | 37 | 1266 | 1109 | 157 | 4 | 15 | 14 | 1 |  |
| 21 | Xã Bình Châu | 37 | 574 | 442 | 132 | 4 | 0 | 0 | 0 |  |
| 22 | Xã Bình Chương | 37 | 544 | 441 | 103 | 4 | 67 | 9 | 58 |  |
| **Tổng cộng** | | **814** | **14274** | **11633** | **2641** | **88** | **936** | **257** | **679** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC 5**  **KẾT QUẢ THỰC HIỆN SỐ HÓA HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ** | | | | | | | | | | |
| ***(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023)*** | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Đơn vị (Cơ quan)** | **Số hóa hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận** | | | | **Số hóa kết quả giải quyết TTHC** | | | |
| **Số hồ sơ Tiếp nhận** | **Số hồ sơ có số hóa thành phần HS** | **Tỷ lệ số hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận** | **Số hồ sơ chưa số hóa TPHS** | **Số hồ sơ đã giải quyết** | **Số hồ sơ có số hóa kết quả** | **Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ** | **Số hồ sơ chưa số hóa kết quả TTHC** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)=(2)/(1)** | **(5)** | **(6)=(7)+(9)** | **(7)** | **(8)=(7)/(6)** | **(9)** |
| 1 | Thị trấn Châu Ổ | 770 | 326 | 42.34 | 444 | 769 | 224 | 29.13 | 545 |
| 2 | Xã Bình An | 327 | 201 | 61.47 | 126 | 322 | 0 | 0 | 322 |
| 3 | Xã Bình Chánh | 1576 | 360 | 22.84 | 1216 | 1574 | 2 | 0.13 | 1572 |
| 4 | Xã Bình Chương | 732 | 244 | 33.33 | 488 | 731 | 0 | 0 | 731 |
| 5 | Xã Bình Châu | 805 | 721 | 89.57 | 84 | 756 | 0 | 0 | 756 |
| 6 | UBND xã Bình Dương | 504 | 440 | 87.3 | 64 | 503 | 5 | 0.99 | 498 |
| 7 | UBND xã Bình Đông | 1670 | 63 | 3.77 | 1607 | 1669 | 0 | 0 | 1669 |
| 8 | UBND xã Bình Hải | 2752 | 2694 | 97.89 | 58 | 2740 | 884 | 32.26 | 1856 |
| 9 | UBND xã Bình Hiệp | 435 | 286 | 65.75 | 149 | 415 | 2 | 0.48 | 413 |
| 10 | UBND xã Bình Hòa | 2016 | 1234 | 61.21 | 782 | 2002 | 156 | 7.79 | 1846 |
| 11 | UBND xã Bình Khương | 475 | 69 | 14.53 | 406 | 474 | 38 | 8.02 | 436 |
| 12 | UBND xã Bình Long | 818 | 428 | 52.32 | 390 | 723 | 56 | 7.75 | 667 |
| 13 | UBND xã Bình Minh | 779 | 116 | 14.89 | 663 | 778 | 117 | 15.04 | 661 |
| 14 | UBND xã Bình Mỹ | 545 | 261 | 47.89 | 284 | 518 | 48 | 9.27 | 470 |
| 15 | UBND xã Bình Nguyên | 587 | 294 | 50.09 | 293 | 566 | 106 | 18.73 | 460 |
| 16 | UBND xã Bình Tân Phú | 562 | 244 | 43.42 | 318 | 556 | 24 | 4.32 | 532 |
| 17 | UBND xã Bình Phước | 957 | 428 | 44.72 | 529 | 946 | 186 | 19.66 | 760 |
| 18 | UBND xã Bình Thanh | 580 | 306 | 52.76 | 274 | 570 | 30 | 5.26 | 540 |
| 19 | UBND xã Bình Thạnh | 470 | 249 | 52.98 | 221 | 462 | 78 | 16.88 | 384 |
| 20 | UBND xã Bình Thuận | 433 | 152 | 35.1 | 281 | 413 | 22 | 5.33 | 391 |
| 21 | UBND xã Bình Trị | 397 | 275 | 69.27 | 122 | 390 | 22 | 5.64 | 368 |
| 22 | UBND xã Bình Trung | 1236 | 838 | 67.8 | 398 | 1228 | 34 | 2.77 | 1194 |
| **TỔNG SỐ** | | **19426** | **10229** | **52.66%** | **9197** | **19105** | **2034** | **10.65%** | **17071** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC 6**  **BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LIỆU SỐ HÓA VĂN BẢN CẤP XÃ** | | | | | | | | | | | | |
| *Từ ngày: 01/01/2023 Đến ngày: 30/06/2023* | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **Văn bản đến** | | | | | | **Văn bản đi** | | | | |
| **Tổng số văn bản đến** | **Hoàn toàn điện tử** | **Song song bản giấy - điện tử** | **VB Nội tỉnh - có ký số** | **VB Nội tỉnh - không ký số** | **Tổng số văn bản đi** | | **Hoàn toàn điện tử** | **Song song bản giấy - điện tử** | **VB Nội tỉnh - có ký số** | **VB Nội tỉnh - không ký số** |
|
|
| 1 | UBND xã Bình Minh | 3763 | 3763 | 0 | 3098 | 623 | 803 | | 803 | 0 | 783 | 20 |
| 2 | UBND xã Bình Mỹ | 3534 | 3534 | 0 | 3109 | 406 | 351 | | 351 | 0 | 310 | 41 |
| 3 | UBND xã Bình Khương | 3599 | 3599 | 0 | 3092 | 479 | 534 | | 534 | 0 | 502 | 32 |
| 4 | UBND xã Bình Hiệp | 4126 | 4126 | 0 | 3213 | 881 | 404 | | 404 | 0 | 333 | 71 |
| 5 | UBND xã Bình An | 3799 | 3799 | 0 | 3256 | 514 | 552 | | 552 | 0 | 510 | 42 |
| 6 | UBND thị trấn Châu Ổ | 4614 | 4613 | 1 | 3634 | 940 | 830 | | 830 | 0 | 519 | 311 |
| 7 | UBND xã Bình Trung | 4174 | 4174 | 0 | 3434 | 726 | 433 | | 433 | 0 | 383 | 50 |
| 8 | UBND xã Bình Trị | 4352 | 4350 | 2 | 3562 | 766 | 335 | | 335 | 0 | 325 | 10 |
| 9 | UBND xã Bình Thuận | 4783 | 4783 | 0 | 4142 | 622 | 310 | | 310 | 0 | 283 | 27 |
| 10 | UBND xã Bình Phước | 4240 | 4240 | 0 | 3388 | 839 | 423 | | 423 | 0 | 404 | 19 |
| 11 | UBND xã Bình Nguyên | 4029 | 4029 | 0 | 3327 | 685 | 357 | | 357 | 0 | 347 | 10 |
| 12 | UBND xã Bình Đông | 4275 | 4275 | 0 | 3727 | 525 | 776 | | 776 | 0 | 693 | 83 |
| 13 | UBND xã Bình Tân Phú | 4157 | 4157 | 0 | 3309 | 831 | 355 | | 355 | 0 | 332 | 23 |
| 14 | UBND xã Bình Hòa | 4201 | 4201 | 0 | 3230 | 941 | 473 | | 473 | 0 | 452 | 21 |
| 15 | UBND xã Bình Hải | 4509 | 4509 | 0 | 3676 | 787 | 789 | | 789 | 0 | 761 | 28 |
| 16 | UBND xã Bình Dương | 3681 | 3681 | 0 | 3198 | 455 | 498 | | 498 | 0 | 484 | 14 |
| 17 | UBND xã Bình Chương | 3710 | 3710 | 0 | 3122 | 560 | 523 | | 523 | 0 | 504 | 19 |
| 18 | UBND xã Bình Châu | 4874 | 4874 | 0 | 3536 | 1300 | 517 | | 517 | 0 | 482 | 35 |
| 19 | UBND xã Bình Thanh | 3982 | 3982 | 0 | 3246 | 726 | 410 | | 410 | 0 | 395 | 15 |
| 20 | UBND xã Bình Long | 4198 | 4198 | 0 | 3188 | 983 | 439 | | 439 | 0 | 417 | 22 |
| 21 | UBND xã Bình Thạnh | 4611 | 4611 | 0 | 3542 | 1051 | 559 | | 559 | 0 | 554 | 5 |
| 22 | UBND xã Bình Chánh | 4326 | 4326 | 0 | 3507 | 786 | 462 | | 462 | 0 | 441 | 21 |
|  |  | **91537** | **91534** | **3** | **74536** | **16426** | **11133** | | **11133** | **0** | **10214** | **919** |